TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH HANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 56/2023/QĐST-VHNGĐ	*Sầm Sơn, ngày 17 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-VHNGĐ ngày 21/9/2023 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1995;
2. Chị Đỗ Thị L - sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị L kết hôn với nhau năm năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố S. Quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc vui vẻ được một thời gian thì đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hay cãi nhau, vợ chồng mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế, không quan tâm nhau. Nay anh chị không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa, nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị L có một con chung là cháu Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 22/4/2018. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con, mức cấp dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật, xét thấy nên chấp nhận là đúng với quy định tại điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản: Anh, chị thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh H, chị L thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Anh, chị thỏa thuận anh Nguyễn Văn H nộp tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có ai thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh H, chị L một con chung là cháu Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 22/4/2018. Ly hôn giao cháu B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh H được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, công nợ chung: Anh H, chị L không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013731 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (anh H đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Ngô Thị Hà